TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh
2. Ông Trương Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 128/2024/THST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quãng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quãng Ngãi; Tạm trú: Tổ A, ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L có mặt.

Bị đơn ông Trần T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 3 năm 2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L trình bày:***

Bà Phạm Thị Bích L và ông Trần T chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quãng Ngãi vào ngày 17/5/2007. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt và mệt mỏi nên bà Phạm Thị Bích L quyết định làm đơn ly hôn với ông Trần T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông T có 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 05/02/2014 và Trần Huyền T1, sinh ngày 10/10/2015. Bà Phạm Thị Bích L yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Trần T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn ông Trần T thể hiện:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông Trần T biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Trần T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quãng Ngãi vào ngày 17/5/2007. Quá trình sống chung có 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 05/02/2014 và Trần Huyền T1, sinh ngày 10/10/2015. tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

Hiện nay, bà L cho rằng vợ chồng sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng đầy đủ theo quy định nhưng bị đơn ông T vẫn không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh của Tòa án thì thời điểm tháng 10/2023, nguyên đơn bà L có nộp đơn xin ly hôn với ông T vì lý do mâu thẫn

tình cảm vợ chồng nhưng sau đó bà L đã tự nguyện rút đơn ly hôn và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Hiện nay, bà Liên tiếp t nộp đơn xin ly hôn và theo phản hồi từ phía bà L thì các văn bản tố tụng của Tòa án cấp, tống đạt cho ông T đều bị ông T xé bỏ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được (không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng). Về con chung: Các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị Bích L khởi kiện ông Trần T về việc ly hôn. Ông Trần T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quãng Ngãi nhưng hiện nay ông Trần T đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại tổ A, ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Bích L và ông Trần T chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quãng Ngãi vào ngày 17/5/2007. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, cuộc sống tẻ nhạt, mệt mỏi, không còn yêu thương lẫn nhau. Bà L đã từng khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T nhưng sau đó đã tự nguyện rút đơn ly hôn để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên, qua thời gian hàn gắn, bà L nhận thấy ông T không có sự thay đổi khiến đời sống hôn nhân trở nên bế tắc, không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà L kiên quyết ly hôn với ông T.

Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau".* Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo tạo điều kiện cho bị đơn ông Trần T 02 lần hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh ông Trần T không có thiện chí muốn đoàn tụ gia

đình cùng chung sống với bà Phạm Thị Bích L. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024 của Tòa án đối với đại diện Ban lãnh đạo ấp C, xã T, huyện D xác định đời sống thường nhật giữa bà L và ông T đối lúc có xảy ra mẫu thuẫn, bất hòa. Ngoài ra, trước dây bà L đã từng làm đơn yêu cầu ly hôn với ông T nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình nhưng bà L nhận thấy không thể hàn gắn được nên tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích L đối với ông Trần T là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông T có 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 05/02/2014 và Trần Huyền T1, sinh ngày 10/10/2015. Bà Phạm Thị Bích L yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Trần T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai của cháu H và cháu T1, hai cháu đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà Phạm Thị Bích L, nếu ba mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và việc ăn học ổn định, phát triển tâm sinh lý của 02 con chung nên cần giao 02 con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích L đối với ông Trần T về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích L ly hôn với ông Trần T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 05/02/2014 và Trần Huyền T1, sinh ngày 10/10/2015 cho bà Phạm Thị Bích L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Bích L về việc không yêu cầu ông Trần T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn thì bà Phạm Thị Bích L và ông Trần T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004909 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 02/8/2024).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Trà Phú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy CNKH số 22, quyển số 01 ngày 17/5/2007);
- UBND xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.